TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 –AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 320/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2025
V/v *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Ngọc Cẩm
2. Ông Nguyễn Văn Mẫn

- ***Thư ký phiên Tòa***: Ông Đoàn Thanh Nhã là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang không tham gia phiên tòa.***

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 376/2025/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2025 về việc *''Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 153/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm: 1982 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp N, xã N, tỉnh An Giang).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã N, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp S, xã N, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và ý kiến thể hiện có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng G trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn S tự tìm hiểu quen biết trước và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã N,

huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn. Quá trình về chung sống với nhau, giữa chị và anh S thời gian đầu cũng hạnh phúc, nhưng kể từ khi bùng phát dịch bệnh covid 19, công ty cho nghỉ việc, mâu thuẫn bắt đầu phát sinh thường xuyên cải nhau, làm cho hôn nhân ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng. Anh S còn sinh tật rượu chè bê tha, thiếu tinh thần trách nhiệm với gia đình, chị cũng đã lựa lời khuyên nhưng không mang lại kết quả tốt, chị không còn sức chịu đựng. Vì vậy, chị chị yêu cầu ly hôn anh S. Về con chung, chị và anh S có một con chung tên: Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 05/11/2008. Hiện con đang sống với chị, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Gấm và vắng mặt tham gia tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng G khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn S nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn S với tư cách là bị đơn có nơi cư trú tại xã N, tỉnh An Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang.

Chị Nguyễn Thị Hồng G có đơn xin vắng mặt, riêng anh Nguyễn Văn S đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên Tòa cho anh S nhưng không thực hiện được do anh S không có nhà và không biết khi nào trở về nên Tòa án tiến hành niêm yết công khai và giao cho em anh S là anh Nguyễn Văn Út nhận thay cho anh S, cam kết thông báo cho anh S biết. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 5 –An Giang căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị G và anh S

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng G và anh Nguyễn Văn S tự tìm hiểu quen biết và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị G và anh S phát sinh nhiều mâu thuẫn, được chị G xác định qua ý kiến trình bày trong bản khai. Chị G cho rằng chị và anh S cũng đã cho nhau cơ hội hàn gắn và lựa lời

khuyên ngăn nhưng anh S vẫn không sửa đổi nên chị xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh S và kiên quyết được ly hôn anh S. Anh S không có ý kiến phản đối gì với trình bày của chị G và cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này được thể hiện qua các lần mời của Toà mục đích để hoà giải nhằm hàn gắn tình cảm cho anh chị nhưng anh S vắng không rõ lý do. Vì vậy, việc xác định nêu trên của chị G có đủ căn cứ để chứng minh rằng mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững giữa chị và anh S không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên chị G yêu cầu ly hôn anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Hồng G được ly hôn với anh Nguyễn Văn S

[2.2] Về con chung: Chị G xác định chị và anh S có một con chung tên: Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 05/11/2008. Hiện con đang sống với chị, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Anh S không có ý kiến phản đối, xét ý kiến của cháu Thắm, cháu xác định sống với chị G nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 05/11/2008 cho chị G nuôi dưỡng, anh S không cấp dưỡng nuôi con do chị G không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị Hồng G phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị G đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 28 ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 –An Giang). Chị G đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 và Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Hồng G được ly hôn với anh Nguyễn Văn S

2. Về con chung: Xử giao con chung của chị G và anh S là cháu: Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 05/11/2008 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không yêu cầu.

3. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); buộc chị Nguyễn Thị Hồng G phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị G đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 28 ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5- An Giang). Chị G đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày được tính kể từ ngày các đương sự nhận được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND KV 5-AG
- Phòng THADSKV5 -AG;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS, VP,

Nguyễn Thị Cẩm Hương

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mẫn **Phan Thị Ngọc Cẩm** **Nguyễn Thị Cẩm Hương**